

Bản án số 51/2024/KDTM-PT

Ngày 29 - 7 - 2024

V/v: *Tranh chấp giao dịch về chuyển
nhượng phần vốn góp với công ty*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Linh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2024/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2336/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4058/2024/QĐPT-HC ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Phòng A509 Khu B, Chung cư N, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Xuân Đ - Đoàn luật sư Thành phố H; Nơi cư trú: A C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Công ty TNHH X; Địa chỉ: Lô D Đường số B, Khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim P1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/2022 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị C; Nơi cư trú: E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ông Trần Ngọc H; Nơi cư trú: E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà C, ông H: Ông Trần Quốc S (Theo Hợp đồng ủy quyền, số công chứng 08516, 08517 quyền số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2022 tại Văn phòng C1; Nơi cư trú: E S, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 17/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

- Ngày 15/11/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Ngày 16/11/2023, bị đơn ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2015, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 06/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Nguyễn Hồng P trình bày:

Bà Nguyễn Hồng P là Giám đốc Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) có quan hệ mua bán quen biết với vợ chồng ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị C là hai thành viên góp vốn của Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X); Tại thời điểm năm 2014, thành viên góp vốn của Công ty X chỉ có 02 người đó là ông Trần Ngọc H (sau đây gọi tắt là ông H) chức vụ Giám đốc, bà Nguyễn Thị C (sau đây gọi tắt là bà C) chức vụ Phó Giám đốc.

Do vợ chồng ông H quyết định đi định cư Hoa Kỳ theo hình thức đầu tư nên muốn chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của hai vợ chồng cùng với toàn bộ nhà máy C2 cho bà P là người trả giá cao nhất.

Ngày 05/7/2014, ông Trần Ngọc H - Giám đốc Công ty X đại diện cho Công ty X và bà Nguyễn Hồng P cùng thỏa thuận và ký kết “Bản ghi nhớ” về việc mua bán Công ty X và nhà máy C2 tại địa chỉ Lô D, Đường số B, Khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung bản ghi nhớ thực chất là một Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của vợ chồng ông H là thành viên góp vốn của Công ty X chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và nhà máy C2 cho bà P với giá tiền là 6.500.000.000 đồng (bằng chữ: sáu tỷ năm trăm triệu đồng), thỏa thuận thanh toán làm 03 lần:

Lần 1: 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ đồng), trong tháng 07/2014.

Lần 2: 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai tỷ đồng), cuối tháng 12/2014.

Lần 3: 3.500.000.000 đồng (bằng chữ: ba tỷ năm trăm triệu đồng) trước ngày 31/6/2015.

Tại Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014 hai bên còn thỏa thuận chuyển nhượng các đối tượng thuộc quyền định đoạt của Công ty X phải chuyển giao cho bà P đó là: Nhân sự; Hệ thống chế biến, sản xuất đã và đang kinh doanh trong nước cũng như xuất khẩu; Toàn bộ thiết bị đang vận hành phục vụ chế biến, sản xuất; Tất cả các khách hàng đã và đang kinh doanh, bao gồm các nhà cung cấp đầu vào và các khách hàng đang hoạt động trong và ngoài nước; Hỗ trợ các kỹ thuật chế biến, sản xuất đến khi thành viên góp vốn định cư nước ngoài; Các sản phẩm đã và đang kinh doanh, xuất khẩu; Các khoản thuế xuất nhập khẩu, bao gồm thuế VAT trong nước (nếu có).

Quá trình thực hiện thỏa thuận: Theo yêu cầu của vợ chồng ông H, bà P đã thanh toán cho Công ty X số tiền 03 tỷ đồng tại nhà riêng của vợ chồng ông H do vợ ông H là bà Nguyễn Thị C nhận vào ngày 16/7/2014. Bà C đã ký tên và ghi xác nhận “*đã nhận tiền theo Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014 tổng cộng số tiền là 03 tỷ đồng (ba tỷ đồng) vào ngày 16/7/2014*”. Khi bà P đến giao tiền có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thùy T - người của Công ty T1 đi theo, cũng là người sau này vào tiếp nhận Công ty X.

Sau khi bà P thanh toán đầy đủ số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) cho ông H và bà C, Công ty X đã đồng ý cho bà P đưa người của Công ty T1 vào tiếp nhận Công ty X và vận hành nhà máy C2. Quá trình tiếp quản và hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian đầu diễn ra khá thuận lợi, hiệu quả sản xuất cao. Chính do hiệu quả này, các thành viên góp vốn là ông H, bà C nảy sinh lòng ghen tức và đố kỵ.

Đến tháng 02/2015 do giá bất động sản lên, vợ chồng ông H không đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp và nhà máy C2 cho bà P, đồng thời yêu cầu nhân viên của Công ty T1 rời khỏi Công ty X. Mặc dù bà P đã cố gắng liên hệ với Công ty X, các thành viên góp vốn là ông H, bà C để yêu cầu Công ty X tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp và nhà máy C2 theo thỏa thuận tại Bản ghi nhớ. Tuy nhiên, vợ chồng ông H và Công ty X đã từ chối và tuyên bố không thực hiện tiếp thỏa thuận đã ký kết, làm thủ tục chuyển nhượng thay đổi thành viên tại Sở kế hoạch đầu tư, đồng thời vợ chồng ông H chiếm đoạt luôn số tiền ba tỷ đồng để đi định cư Hoa Kỳ.

Do đó ngày 03/7/2015 bà P đã nộp đơn khởi kiện Công ty X ra Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty X và vợ chồng ông H, bà C phải tiếp tục thực hiện các thỏa thuận ghi trong Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014. Cụ thể là buộc Công ty X và vợ chồng ông H phải thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ Công ty X cùng với nhà máy C2 cho bà P.

Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã giải quyết theo Bản án sơ thẩm số 122/2020/KDTM-ST ngày 27/10/2020 và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án sơ thẩm, giữ lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo đúng thẩm quyền.

Ngày 23/4/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết lại nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị C và Công ty TNHH X cùng phải liên đới hoàn trả cho nguyên đơn – bà P ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) mà bà P đã giao cho bà C vào ngày 16/7/2014 theo Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014.

- Buộc ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị C và Công ty TNHH X cùng phải liên đới bồi thường thiệt hại là tiền lãi trên số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (từ tháng 7/2014 tạm tính đến tháng 4/2023) là $3.000.000.000 \text{ đồng} \times 10,63\% \times (3.190 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}) = 2.787.098.630\text{đ}$ (hai tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu không trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba chục đồng), (Lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng A, V, V1 là 10,63%/năm).

- Buộc ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị C và Công ty TNHH X cùng liên đới hoàn trả cho nguyên đơn là bà P số tiền gốc công nợ mà bà P đã bỏ tiền cá nhân vào để trả tiền mua nguyên liệu khi vào nhà máy hoạt động (từ ngày 03/9/2014 đến tháng 01/2015) với số tiền là 3.626.946.000 đồng theo bản kê ngày 22/01/2015. Và tiền lãi trên số tiền mua nguyên liệu: $3.626.174.921\text{đ}$ (từ tháng 09/2014 tạm tính đến tháng 4/2023) là $3.626.946.000 \text{ đồng} \times 10,63\% \times (3.130 \text{ ngày}/365 \text{ ngày}) = 3.306.174.921\text{đ}$ (ba tỷ ba trăm lẻ sáu triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi một đồng), (Lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng A, V, V1 là 10,63%/năm).

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 12.720.213.551 đồng (mười hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu hai trăm mười ba ngàn năm trăm năm mươi một đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - Công ty TNHH X trình bày:

Theo nội dung Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014 do nguyên đơn nộp tại Tòa án thì đây chỉ là thỏa thuận giữa cá nhân ông Trần Ngọc H với bà Nguyễn Hồng P. Đây là Hợp đồng mua bán tài sản (nhà xưởng) của Công ty X, không có điều khoản thể hiện nội dung “Chuyển nhượng phần vốn góp” của các thành viên Công ty X. Vào thời điểm ký Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014, bà C là thành viên Công ty X nhưng không tham gia vào văn bản thỏa thuận này. Công ty X cũng không có bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ gì theo giao dịch này. Việc bà P cho rằng bà đã quản lý điều hành Công ty X từ tháng 09/2014 đến 01/2015 là không đúng. Thời điểm này người đại diện theo pháp luật của công ty, cũng như có trách nhiệm quản lý điều hành Công ty X là ông Trần Ngọc H.

Toàn bộ hoạt động của công ty cũng như tất cả các hợp đồng mua bán, văn bản, hoá đơn, chứng từ khai báo thuế, Tất cả đều do ông H ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm. Không có bất kỳ tài liệu hay văn bản chứng từ nào thể hiện bà P quản lý điều hành và là thành viên góp vốn vào công ty như bà P nêu. Việc chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty X giữa ông H, bà C với ông Trần Quốc H1 và các thành viên hiện nay là hoàn toàn hợp pháp, thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp được thực hiện đúng trình tự thủ tục luật định và đã được các cơ quan chức năng xác nhận theo đúng quy định pháp luật. Khi tiếp nhận Công ty X, ông Trần

Quốc H1 và các thành viên mới của công ty không có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ của cá nhân ông H và bà C đối với cá nhân bà P.

Do đó Công ty X không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa cá nhân ông H, bà C đối với bà P nên việc bà P yêu cầu Công ty X phải liên đới trả lại số tiền gốc 03 tỷ đồng và tiền lãi bồi thường thiệt hại của khoản tiền trên là không đúng, Công ty X không đồng ý.

Về việc nguyên đơn yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền mua nguyên liệu theo yêu cầu bổ sung ngày 06/4/2023, Công ty X có ý kiến như sau:

Việc bà P cho rằng đã lấy tiền cá nhân của bà P để trả tiền hàng mua nguyên liệu cho công ty và số tiền này phát sinh vào thời điểm ngày 03/9/2014 đến tháng 01/2015 là hoàn toàn không có cơ sở và bà P không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh Công ty X đã yêu cầu bà P thanh toán công nợ cho các đối tác bạn hàng của công ty. Công ty đã thanh toán hoàn tất cho tất cả các khách hàng, bà P không phải là người quản lý điều hành công ty nên không liên quan đến hoạt động của Công ty X. Mặt khác theo như bà P trình bày là sự việc đã được thực hiện từ năm 2014, thời gian dài đã gần 10 năm. Đến ngày 11/4/2023, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện bổ sung để yêu cầu đòi số tiền bà P mua nguyên liệu thay cho công ty và tiền lãi trên số tiền này là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định về thời hiệu để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà P.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2336/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

1. Tuyên bố vô hiệu giao dịch dân sự tại Bản ghi nhớ về việc tiếp nhận nhà máy C2 đề ngày 05/7/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Hồng P và ông Trần Ngọc H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng P số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà P số tiền là 1.393.549.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc buộc Công ty TNHH X cùng phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H hoàn trả số tiền 3.000.000.000 đồng và liên đới trả số tiền bồi thường thiệt hại.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc buộc Công ty TNHH X, bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng liên đới phải chịu trách nhiệm thanh toán lại cho bà P số tiền mua nguyên liệu để Công ty TNHH X hoạt động từ ngày 03/9/2014 đến tháng 01/2015 với số tiền là

3.626.946.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền mua nguyên liệu là 3.306.174.921 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm:* Ngày 15/11/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu: Công nhận hiệu lực của Bản ghi nhớ về việc tiếp nhận nhà máy C2 đề ngày 05/7/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Hồng P và ông Trần Ngọc H; Buộc Công ty TNHH X cùng phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H hoàn trả số tiền 3.000.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tiền mua nguyên liệu.

- Ngày 15/11/2023 ông Trần Quốc S – đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014 là thỏa thuận cá nhân giữa ông H, bà P.

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị số 8876/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 17/11/2023, nội dung kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn; cho rằng giao dịch dân sự tại Bản ghi nhớ ngày 05/7/2014 là vô hiệu do không thể thực hiện được, nên cả hai bên đều có lỗi theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; Đồng thời rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà P, bị đơn ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút lại toàn bộ kháng nghị nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P yêu cầu công nhận “Bản ghi nhớ” ngày 05/7/2014 và buộc Công ty TNHH X (Công ty X) liên đới cùng bị đơn ông Trần Ngọc H, bà Nguyễn Thị C trả tiền, bồi thường thiệt hại và lãi, thấy rằng:

[2.1]. “Bản ghi nhớ” đề ngày 05/7/2014 được ký kết giữa bên A là bà Nguyễn Hồng P và bên B là Công ty TNHH X do ông Trần Ngọc H chức vụ Giám đốc làm đại diện để thỏa thuận “*Hai bên đồng ý mua và bán lại Công ty TNHH X và nhà máy C2 tại địa chỉ Lô D, Đường số B, Khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Ngọc H làm đại diện*” với giá 6.500.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: thanh toán lần 1 là 01 tỷ đồng trong tháng 7/2014, lần 2 là 02 tỷ đồng cuối tháng 12/2014, lần 3 là 3,5 tỷ đồng trước ngày 31/6/2015.

Đây thực chất là thỏa thuận giao dịch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của vợ chồng ông H, bà C là thành viên Công ty X và tài sản của Công ty X cho bà P (bao gồm cả nhân sự, khách hàng...). Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận trên không thể thực hiện được. Án sơ thẩm nhận định: “*Bản ghi nhớ viết tay không có đóng dấu xác nhận công ty... đã vi phạm pháp luật cả về nội dung và hình thức nên bị vô hiệu toàn bộ ngay từ thời điểm ký kết ...theo quy định tại Điều 122, Điều 127 và Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005*” để từ đó tuyên bố giao dịch dân sự tại Bản ghi nhớ về việc tiếp nhận nhà máy C2 đề ngày 05/7/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Hồng P và ông Trần Ngọc H bị vô hiệu là có căn cứ. Đồng thời xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu: “*các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận... Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường*” là đúng theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.2]. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi thuộc về 02 bên và buộc bị đơn ông H, bà C cùng phải liên đới chịu một 1/2 số tiền thiệt hại 2.787.098.630 đồng (*Lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng A, V, V1 là 10,63%/năm*) từ thời điểm ngày 17/8/2014 tạm tính đến tháng 5/2023 là 3.000.000.000 đồng x 10,63% x (3.190 ngày/365 ngày) bằng 1.393.549.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật đã viện dẫn trên.

[2.3]. Do Bản ghi nhớ viết tay không có đóng dấu xác nhận công ty; Theo Kết luận giám định số 3021/C09B ngày 31/7/2020 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C3 tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký mang tên Nguyễn Thị C là người ký tên nhận số tiền 03 tỷ vào ngày 16/7/2014; hiện tại Công ty X đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, do ông Trần Quốc H1 là người đại diện theo pháp luật. Nên án sơ thẩm không tuyên buộc Công ty X cùng liên đới bồi thường là phù hợp.

[2.4]. Đối với kháng cáo về số tiền mua nguyên liệu để Công ty X hoạt động từ ngày 03/9/2014 đến tháng 01/2015 với số tiền là 3.626.946.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền mua nguyên liệu, thấy rằng:

Khoản tiền phát sinh tranh chấp là thời điểm tháng 2/2015 nhưng đến ngày 06/4/2023 nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện bổ sung. Do phía Công ty X, ông H và bà C đều không thừa nhận và cùng yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện. Nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu và đình chỉ giải quyết

đối với yêu cầu này của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005 và Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc H, thấy rằng:

Tại tòa, ông Trần Quốc S – đại diện hợp pháp cho ông Trần Ngọc H chỉ đồng ý trả lại số tiền 03 tỷ đồng cho bà P, không liên quan đến bà C và Công ty X.

Như đã phân tích ở mục [2.1 - 2.2], Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông H, bà C phải liên đới cùng chịu trách nhiệm trả cho bà P số tiền 03 tỷ đồng và số tiền bồi thường thiệt hại 1.393.549.000 đồng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[4]. Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm là phù hợp.

[5]. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Hồng P, ông Trần Ngọc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 8876/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 2336/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên xử:

1. Tuyên bố vô hiệu giao dịch dân sự tại Bản ghi nhớ về việc tiếp nhận nhà máy C2 đề ngày 05/7/2014 được ký kết giữa bà Nguyễn Hồng P và ông Trần Ngọc H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng P số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà P số tiền là 1.393.549.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc buộc Công ty TNHH X cùng phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H hoàn trả số tiền 3.000.000.000 đồng và liên đới trả số tiền bồi thường thiệt hại.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Hồng P về việc buộc Công ty TNHH X, bà Nguyễn Thị C và ông Trần Ngọc H cùng liên đới phải chịu trách nhiệm thanh toán lại cho bà P số tiền mua nguyên liệu để Công ty TNHH X hoạt động từ ngày 03/9/2014 đến tháng 01/2015 với số tiền là 3.626.946.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền mua nguyên liệu là 3.306.174.921 đồng.

6. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Hồng P, ông Trần Ngọc H mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0001065 ngày 01/12/2023 và biên lai thu số 0000996 ngày 24/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp đủ tiền.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP, 18bTTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết